

Số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 3 - 2024.

Về: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Néang Sâm Bô;
2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:*** Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024 về: *“Tranh chấp ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Néang T, sinh năm: 1984; địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Châu E, sinh năm: 1986; địa chỉ cư trú: Tổ A, Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

Người phiên dịch: Ông Kim S – Cán bộ hưu trí xã C, huyện T.

(Tại phiên tòa, bà T, ông S cùng có mặt; ông E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, bà Néang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông E được hình thành, do hai người tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2016, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện T, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 28/01/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông E lười lao động, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không quan tâm vợ con, mỗi lần say xỉn về nhà thì có lời lẽ xúc phạm mẹ ruột bà, mặc dù bà cố gắng động viên nhưng ông E không thay đổi mà càng ngày tỏ tính cáo gắt hơn, nên hai người ly thân nhau từ tháng 9/2018 đến nay.

Trong thời gian ly thân gia đình đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông E.

Về quan hệ con chung: Bà với ông E có 01 con chung tên Néang S1, sinh ngày 05/4/2016, hiện do bà nuôi. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông E không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông E không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông E để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình; riêng ông E đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà T, ông E chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống ông E không quan tâm đời sống vợ chồng, không chí thú làm ăn... nên bà T xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Cháu Néang S1 hiện trên 07 tuổi có ý nguyện tiếp tục sống chung với mẹ, đề nghị HĐXX công nhận. Riêng tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà T khởi kiện ly hôn với ông E là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông E có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông E được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T – ông E kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 28/01/2016, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Qua trình chung sống, bà T cho rằng ông E không quan tâm đời sống vợ chồng, thường xuyên ăn nhậu, những lúc say xỉn thì có lời nói xúc phạm mẹ ruột bà, bà cố nhin và khuyên ngăn nhưng ông vẫn không thay đổi mà ngày càng tỏ tính cáo gắt hơn, từ đó bà và ông E ly thân đã lâu, gia đình đứng ra hàn gắn nhưng không thành.

Qua ý kiến trình bày của bà T, mặc dù ông E vắng mặt, nhưng tại các biên bản xác minh ngày 31/01/2024 của Tòa án thể hiện: Vợ chồng bà T, ông E khi sống chung thì thường cự cãi, mâu thuẫn giữa hai người xảy ra thường xuyên, ông E bỏ mặt vợ và

con khi con còn rất nhỏ về nhà cha mẹ ruột sống, gia đình hàn gắn nhưng không thành, khả năng đoàn tụ là không thể...

Với những chứng cứ thu thập được, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T - ông E đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, cháu Néang S1 từ trước nay do bà T trực tiếp nuôi, tình cảm giữa bà T với cháu S1 thật sự gắn bó, ý nguyện của cháu S1 mong muốn tiếp tục sống chung với mẹ, để không xáo trộn về mặt tâm lý, cũng như tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên giao cháu S1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà T biết: Trong thời gian nuôi con, bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa bà T không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà T khai bà với ông E không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông E vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này ông E có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và ông E có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà Néang T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Néang T

Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang T được ly hôn với ông Chau E.

Về quan hệ con chung: Bà Néang T được tiếp tục nuôi con chung tên Néang S1, sinh ngày 05/4/2016.

Công nhận tự nguyện của bà Néang T không yêu cầu ông Chau E phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông EmUnHU2ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Néang T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012161 ngày 19/12/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (bà T đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ